

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT

Ngày 15/01/2020)

HÀ NỘI - 2020

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vcn.vnn.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)

1.2.1. Các chuyên ngành đào tạo:

- + Chăn nuôi (Mã số 9.62.01.05);
- + Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi (Mã số 9.62.01.07);
- + Di truyền và Chọn giống vật nuôi (Mã số 9.62.01.08).

1.2.2. Hình thức và thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.2.3. Điều kiện dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành chăn nuôi hoặc chăn nuôi thú y.
- b) Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

- Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

đ) Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác đáp ứng 2 năm kinh nghiệm công tác.

1.2.4. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển.
- Lý lịch khoa học.
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và thâm niên công tác (nếu có).
- Đề cương nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).
- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là những người có bằng đại học hoặc thạc sĩ thuộc ngành chăn nuôi hoặc chăn nuôi thú y.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành: 03 chỉ tiêu.

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Chăn nuôi:

Viện Chăn nuôi có 21 đơn vị trực thuộc, gồm 01 Phân Viện, 3 phòng chức năng, 4 bộ môn nghiên cứu chuyên sâu, 2 phòng thí nghiệm và 11 trung tâm nghiên cứu chuyên con đống trên địa bàn cả nước. Tổng số đội ngũ cán bộ công nhân viên của toàn khối Viện có mặt hiện nay là 1.037 người, trong đó có 47 cán bộ có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ; 198 Thạc sĩ; 227 người Đại học còn lại là kỹ thuật viên và công nhân lành nghề.

Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của Viện gồm: Di truyền giống vật nuôi; Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi; Kinh tế và Môi trường chăn nuôi; Phân tích thức ăn và sản phẩm chăn nuôi và một số lĩnh vực khác.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ

Tổng số nhiệm vụ KH&CN năm 2019 của Viện là 140 nhiệm vụ, trong đó có 10 nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước (với 02 dự án SXTN cấp Nhà nước, 07 nhiệm vụ phát triển nguồn gen vật nuôi, 01 dự án tăng cường năng lực cho PTNTĐ); triển khai thực hiện 42 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (trong đó 03 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Bộ, 02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đến năm 2020, 20 đề tài cấp Bộ, 03 dự án sản xuất thử nghiệm, 07 dự án khuyến nông, 01 nhiệm vụ môi trường và Phòng chống thiên tai, 01 nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn nguồn gen vật nuôi, 05 Tiêu chuẩn Quốc gia). Ngoài ra, Viện đã tham gia chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu cho 52 nhiệm vụ NCKH với các doanh nghiệp và địa phương và 36 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (Bảng 1).

Bên cạnh các nhiệm vụ KH&CN của năm 2019 tiếp tục thực hiện, Viện đã được giao 19 nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước và cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2020, gồm 01 đề tài quỹ gen cấp Nhà nước, 05 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước, 01 nhiệm vụ tăng cường năng lực cho Phòng thí nghiệm trọng điểm, 04 đề tài cấp Bộ, 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, 02 đề tài tiềm năng, 01 nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn quỹ gen, 02 nhiệm vụ khuyến nông và 02 nhiệm vụ môi trường cấp Bộ.

Bảng 1. Tổng hợp các nhiệm vụ Khoa học công nghệ năm 2019

| TT | Nhiệm vụ | Số lượng |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| I | Nhiệm vụ cấp Nhà nước | 10 |
| 1 | Dự án sản xuất thử cấp Nhà nước | 2 |
| 2 | Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi | 7 |
| 3 | Tăng cường năng lực cho PTNTĐ | 1 |
| II | Nhiệm vụ cấp Bộ | 42 |
| 1 | Nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn nguồn gen vật nuôi | 1 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ | 20 |
| 3 | Dự án SXTN cấp Bộ | 3 |
| 4 | Chương trình công nghệ sinh học | 2 |
| 5 | Chương trình Môi trường | 1 |
| 6 | Chương trình trọng điểm cấp Bộ | 3 |
| 7 | Dự án khuyến nông | 7 |
| 8 | Tiêu chuẩn quốc gia | 5 |
| III | Nhiệm vụ Hợp tác trong nước (bao gồm cả nhiệm vụ thuộc chương trình nông thôn miền núi) | 52 |
| IV | Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | 36 |
| Tổng số | | 140 |

2.5. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian và số lần tuyển sinh/năm: một đến nhiều lần.

2.6. Chính sách ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên xét tuyển thuộc một trong những đối tượng sau: Đang công tác tại miền núi, thương binh, dân tộc ít người, người

nước ngoài. Người dự tuyển thuộc 1 trong các đối tượng ưu tiên trên được xét ưu tiên trong trường hợp các thí sinh bằng điểm nhau.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

a) Phí tuyển sinh: 200.000 đồng /hồ sơ

b) Học phí: 15.000.000 đồng/NCS/năm

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Bảng 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

| Hạng mục | Diện tích sàn xây dựng (m ²) |
|---------------------------------------------|------------------------------------------|
| Hội trường, giảng đường, phòng học các loại | 500 |
| Thư viện, trung tâm học liệu | 100 |
| Phòng thí nghiệm, phòng thực hành | 1000 |

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành:

Bảng 3. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

| TT | Họ và tên | Chuyên ngành |
|----|----------------------------|--------------|
| 1. | TS. Nguyễn Văn Đại | Chăn nuôi |
| 2. | TS. Nguyễn Công Định | Chăn nuôi |
| 3. | TS. Phạm Đức Hạnh | Chăn nuôi |
| 4. | PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền | Chăn nuôi |
| 5. | TS. Phạm Doãn Lân | Chăn nuôi |
| 6. | TS. Tăng Xuân Lưu | Chăn nuôi |

| | | |
|-----|--------------------------|----------------------------------|
| 7. | TS. Nguyễn Thị Nga | Chăn nuôi |
| 8. | TS. Hoàng Thị Phi Phương | Chăn nuôi |
| 9. | TS. Nguyễn Văn Quang | Chăn nuôi |
| 10. | TS. Vũ Văn Quang | Chăn nuôi |
| 11. | TS. Phan Lê Sơn | Chăn nuôi |
| 12. | PGS.TS. Phan Đình Thắm | Chăn nuôi |
| 13. | TS. Hoàng Tuấn Thành | Chăn nuôi |
| 14. | TS. Hà Minh Tuấn | Chăn nuôi |
| 15. | TS. Trương Anh Tuấn | Chăn nuôi |
| 16. | TS. Trịnh Quang Tuyên | Chăn nuôi |
| 17. | TS. Nguyễn Thành Trung | Chăn nuôi |
| 18. | TS. Nguyễn Khánh Vân | Chăn nuôi |
| 19. | TS. Ngô Thị Kim Cúc | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 20. | TS. Nguyễn Văn Duy | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 21. | PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 22. | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 23. | TS. Phạm Văn Giới | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 24. | TS. Nguyễn Quý Khiêm | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 25. | TS. Lê Bá Quế | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 26. | TS. Trịnh Hồng Sơn | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 27. | TS. Nguyễn Thanh Sơn | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 28. | PGS.TS. Lê Thị Thúy | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 29. | TS. Phùng Đức Tiến | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 30. | TS. Lê Văn Tiềm | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 31. | PGS.TS. Hoàng Văn Tiệu | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 32. | TS. Nguyễn Hữu Tĩnh | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |
| 33. | TS. Dương Xuân Tuyển | Di truyền và Chọn giống vật nuôi |

| | | |
|-----|------------------------|---------------------------------|
| 34. | TS. Phạm Kim Cương | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 35. | TS. Lê Văn Huyền | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 36. | GS.TS. Lã Văn Kính | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 37. | TS. Trần Thị Bích Ngọc | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 38. | TS. Nguyễn Đức Chuyên | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 39. | TS. Phạm Công Thiều | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 40. | TS. Chu Mạnh Thắng | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 41. | TS. Phạm Sỹ Tiệp | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 42. | TS. Hồ Xuân Tùng | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 43. | TS. Đỗ Thị Thanh Vân | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 44. | TS. Ngô Đình Tân | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |
| 45. | TS. Đoàn Đức Vũ | Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi |

3.3. Các dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế

Năm 2019, Viện đã triển khai hiệu quả 10 dự án, đề tài HTQT. Trong đó:

+/ 04 dự án Viện chủ trì: Dự án “Thành lập ngân hàng gen đông lạnh cho các giống lợn bản địa của Việt Nam và phát triển hệ thống chăn nuôi lợn bền vững để bảo vệ đa dạng sinh học”; Dự án ACIAR “Chăn nuôi thâm canh bò thịt trong các hệ thống canh tác đất dốc vùng miền núi tây Bắc Việt Nam”; Dự án: “Các giải pháp mới về an toàn Sinh học, giảm sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn và gia Cầm” phối hợp với trường đại học Ghent và Viện Nghiên cứu nông nghiệp của Bỉ, do quỹ SCF Vương quốc Bỉ tài trợ; Pha II Dự án Hàn Quốc “Đánh giá đa dạng di truyền giống gà H’Mông với một số giống gà bản địa dựa vào DNA Barcoding trên vùng gene Cytochrome Coxydase I (COI) ty thể” đã thu thập mẫu gà H’Mông và một số giống gà đen tại Sơn La, Quảng Ninh, Hà Nội với tổng số 90 mẫu máu; đã hoàn thành chạy PCR đoạn gen mục tiêu.

+/ 06 đề tài và dự án Viện phối hợp với các đối tác: Nhánh nghiên cứu phát triển chuỗi lợn Bản Hòa Bình trong khuôn khổ dự án Safepork của ILRI; Nhánh Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm một sức khỏe của Hội đồng Anh: điều tra,

phân tích hệ thống chuỗi chăn nuôi gà tập trung ở miền Bắc; Hợp tác với Đại học New England (Australia), Đại học Nông lâm Huế xây dựng dự án phát triển chăn nuôi và thị trường dê sữa, dê thịt ở Lào và Việt Nam; Phối hợp cùng tỉnh Tuyên Quang thực hiện Dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo, chế biến bảo quản thức ăn trong chăn nuôi bò tại tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2018-2020; Thực hiện đề tài nhận nguồn tài trợ từ tổ chức IFS “Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic và axit hữu cơ trong khẩu phần ăn của lợn thịt đến tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng, năng suất sinh trưởng và các khí thải từ phân”.

- Phối hợp với Hiệp hội dầu cải Canola- Canada thực hiện Hội thảo giới thiệu triển vọng phát triển khô dầu cải Canola trên ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam vào tháng 3/2019 với hơn 50 đại biểu tham dự.

Năm 2019, Viện đã tham gia ký biên bản hợp tác với các tổ chức quốc tế như CIRAD, Viện Chăn nuôi quốc tế Đài Loan... Viện tiếp tục xúc tiến xây dựng các đề xuất, các chương trình HTQT với các tổ chức CIRAD, ILRI, FAO và JICA (pha II)....

3.4. Kiểm định chất lượng

Định kỳ, phòng Đào tạo và Thông tin phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Viện Chăn nuôi có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

b) Có thư viện truyền thống với nguồn thông tin tư liệu đủ để nghiên cứu sinh tra cứu khi thực hiện đề tài luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và

ngoài nước được cập nhật liên tục; có thư viện điện tử với bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đào tạo;

d) Có trang thông tin điện tử của Viện Chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến ngành đăng ký đào tạo; danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (nếu có, trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); công khai danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện (trong đó có thông tin về đào tạo nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài), những danh mục đề tài đề xuất tuyển nghiên cứu sinh; công khai mức thu học phí, chi phí đào tạo của Viện Chăn nuôi;

đ) Có tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi riêng của Viện Chăn nuôi

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Công Thiều

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ĐANG TRIỂN KHAI

A. Nhiệm vụ cấp Nhà nước

1. Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Hương

Thời gian thực hiện: 2016 -2020

Đơn vị thực hiện: BM động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: Phạm hải Ninh

2. Nghiên cứu tạo lợn Í nhân bản bằng kỹ thuật cấy chuyển nhân tế bào soma

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Phòng thí nghiệm trọng điểm CN TBDV, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Thị Khánh Vân

3. Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen lợn Cỏ và lợn Mẹo

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Phạm Sỹ Tiếp

4. Khai thác và phát triển nguồn gen gà Lạc thủy

Thời gian thực hiện: 2016 -2020

Đơn vị thực hiện: TT thực nghiệm và bảo tồn vật nuôi, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Thị Mười

5. Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen vịt Hòa Lan

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Phân viện Chăn nuôi Nam bộ, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Hoàng Tuấn Thành

6. Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen ngan Sen

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Văn Duy

7. Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen gà nhiều ngón và Lạc Sơn

Thời gian thực hiện: 2018 -2021

Đơn vị thực hiện: Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Ngô Thị Kim Cúc

8. Sản xuất thử nghiệm chế phẩm nano sắt, kẽm, đồng, selen và ứng dụng trong chăn nuôi gà

Thời gian thực hiện: 2019 -2021

Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Gia cầm Thụy Phương, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Khắc Thịnh

9. Hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi và phát triển ngan trâu, vịt Minh Hương

Thời gian thực hiện: 2019 -2021

Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Gia cầm Thụy Phương, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Quý Khiêm

10. Khai thác và phát triển nguồn gen trâu Bảo Yên

Thời gian thực hiện: 2016 -2021

Đơn vị thực hiện: BM động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Công Định

B. Nhiệm vụ cấp bộ

1. Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn nái tổng hợp và lợn đực cuối cùng từ nguồn gen nhập nội có năng suất, chất lượng cao phục vụ chăn nuôi tại các tỉnh phía Bắc.

Thời gian thực hiện: 2017 -2021

Đơn vị thực hiện: TTNC Lợn Thụy Phương, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trịnh Hồng Sơn

2. Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn đực cuối cùng, dòng lợn nái tổng hợp và xây dựng được các quy trình công nghệ chăn nuôi lợn để đạt năng suất và chất lượng cao phục vụ chăn nuôi tại các tỉnh phía Nam

Thời gian thực hiện: 2017 -2021

Đơn vị thực hiện: Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Hữu Tinh

3. Nghiên cứu chọn lọc ổn định năng suất 04 dòng vịt chuyên thịt VCN/TP-CT1, VCN/TP-CT2, VCN/TP-CT3 và VCN/TP-CT4.

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Gia cầm Thụy Phương

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Vũ Đức Cảnh

4. Nghiên cứu chọn tạo 04 dòng vịt biển phục vụ chăn nuôi vùng xâm ngập mặn.

Thời gian thực hiện: 2017 -2020

Đơn vị thực hiện: Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Văn Duy

5. Nghiên cứu chọn tạo một số dòng gà lông màu hướng thịt, hướng trứng cho năng suất chất lượng cao phục vụ tái cơ cấu ngành chăn nuôi.

Thời gian thực hiện: 2017 -2021

Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Gia cầm Thụy Phương

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Quý Khiêm

6. Chọn tạo dòng vịt chuyên trứng có năng suất và chất lượng trứng cao phục vụ xuất khẩu trứng vịt muối tại ĐBSCL

Thời gian thực hiện: 2018 -2021

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Vigova, Phân viện chăn nuôi Nam bộ

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Dương Xuân Tuyên

7. Nghiên cứu lai tạo và chọn lọc 2 dòng ngan từ ngan R41 nhập nội và ngan trâu Việt Nam
Thời gian thực hiện: 2018 -2021
Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Gia cầm Thụy Phương
Chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Thị Nga
8. Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng gà Đông Tảo và 02 dòng gà Móng
Thời gian thực hiện: 2018 -2022
Đơn vị thực hiện: Viện Chăn nuôi
Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Ngô Thị Kim Cúc
9. Chọn tạo 2 dòng ngan năng suất cao từ nguồn nguyên liệu ngan Pháp R71SL nhập nội
Thời gian thực hiện: 2019 -2021
Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC gia cầm Thụy Phương
Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Tạ Thị Hương Giang
10. Nghiên cứu tạo con lai giữa gà Lạc Thủy với gà VCN-Z15
Thời gian thực hiện: 2019 -2021
Đơn vị thực hiện: Trung tâm thực nghiệm và bảo tồn vật nuôi
Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Trần Quốc Hùng
11. Nghiên cứu gói kỹ thuật phát triển chăn nuôi dê, cừu và bò thịt thích nghi với điều kiện hạn hán vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
Thời gian thực hiện: 2017 -2021
Đơn vị thực hiện: Trung tâm NC Dê Thỏ Sơn Tây
Chủ nhiệm đề tài: TS. Đỗ Thị Thanh Vân
12. Nghiên cứu chọn tạo dê lai hướng sữa phục vụ phát triển sản xuất hàng hóa
Thời gian thực hiện: 2019 -2021
Đơn vị thực hiện: Trung tâm nghiên cứu dê và thỏ Sơn Tây
Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Đỗ Thị Thanh Vân

13. Nghiên cứu đánh giá năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của một số con lai giữa bò đực Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò thuần Brahman.

Thời gian thực hiện: 2018 - 2022

Đơn vị thực hiện: TT Giống Gia súc lớn Trung ương, Viện Chăn Nuôi

Chủ nhiệm đề tài: TS. Phùng Thế Hải

14. Nghiên cứu ủ chua quả điều giả làm thức ăn cho gia súc

Thời gian thực hiện: 2019 -2021

Đơn vị thực hiện: Phân viện chăn nuôi Nam bộ, Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Văn Phú

15. Nghiên cứu các biện pháp an toàn sinh học đối với chăn nuôi lợn ở các quy mô, cấp độ và phương thức khác nhau để phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

Thời gian thực hiện: 2019 -2020

Đơn vị thực hiện: Viện Chăn nuôi

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Hà Minh Tuân.